

Bản án số: 44/2018/HNGĐ-ST

Ngày 25- 10 - 2018

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN H1ỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Vũ Thị Hoàn

2. Bà Nguyễn Thị Như Trang

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lương - Thư ký Toà án nhân dân H1ện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân H1ện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bùi Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2018/TLST - HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/10/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Đoàn Thị H**, sinh năm 1990, có mặt

Địa chỉ: thôn Q, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Ngọc H1, sinh năm 1989

Nơi ĐKKHKT: thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ: hẻm 442, số nhà 5/2 B, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(Anh H1 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/6/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Đoàn Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Ngọc H1 tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn ngày 15/01/2016 tại UBND xã T, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà anh H1 và sinh được một con. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, nhiều mâu thuẫn bất hòa không thể tiếp tục duy trì hôn nhân được do anh H1 không chịu đi làm, không có thu nhập. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Anh H1 đề nghị chị viết đơn xin ly hôn. Nay chị xác định không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng với anh H1, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H1.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là Trần Minh H2 sinh ngày 13/01/2017, hiện đang ở với chị H. Ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con H2 và yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng.

Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng chị có 01 lô đất diện tích 100m², số thửa 967, tờ bản đồ số 08, đo đạc năm 2010 tại thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Thái Bình đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/8/2017 mang tên người sử dụng là ông Trần Ngọc H1, bà Đoàn Thị H. Ngày 16/3/2018 vợ chồng anh chị đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung có chứng thực của UBND xã T như sau: chị H được quyền sử dụng lô đất trên và đã trả cho anh H1 số tiền ½ giá trị lô đất là 172.500.000 đồng. Chị H có trách nhiệm nộp tiền đăng ký chi phí đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Về nợ chung: không có.

** Tại bản tự khai ngày 14/8/2018, bị đơn là anh Trần Ngọc H1 trình bày: về điều kiện, thời gian kết hôn đúng như chị H trình bày. Khoảng tháng 3/2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng kinh tế gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Tháng 02/2018 chị H mang theo con về nhà mẹ đẻ chị H sinh sống tại thôn Q xã B huyện K tỉnh Thái Bình, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay xác định vợ chồng không còn tình cảm, không quay trở về đoàn tụ với nhau được nữa nên anh H1 đồng ý ly hôn chị H. Vợ chồng anh có 01 con chung là Trần Minh H2 sinh ngày 13/01/2017, hiện đang ở với chị H. Ly hôn anh có nguyện vọng để chị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung và anh H1 cấp dưỡng nuôi con cùng chị H theo quy định của pháp luật. Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng anh chị có 01 lô đất diện tích 100m², số thửa 967, tờ bản đồ số 08, đo đạc năm 2010 tại thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Thái Bình đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình*

cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/8/2017 mang tên người sử dụng là ông Trần Ngọc H1, bà Đoàn Thị H. Ngày 16/3/2018 vợ chồng anh chị đã tự thỏa thuận phân chia tài sản có chứng thực của UBND xã T như sau: chị H được quyền sử dụng lô đất trên và đã trả cho anh H1 số tiền $\frac{1}{2}$ giá trị lô đất là 172.500.000 đồng. Chị H có trách nhiệm nộp tiền chi phí đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Anh H1 đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận cho chị H được ly hôn anh H1.

Về quan hệ con chung: Giao con chung Trần Minh H2 sinh ngày 13/01/2017 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Anh H1 có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 11/2018 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Anh H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung.

Về quan hệ tài sản chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị H và anh H1 theo biên bản thỏa thuận về việc phân chia tài sản chung ngày 16/3/2018 tại trụ sở UBND xã T, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Về án phí: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, anh H1 phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Bị đơn là anh Trần Ngọc H1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã T, huyện K tỉnh Thái Bình, hiện đang ở tại địa chỉ hẻm 442, số nhà 5/2 B, phường

N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, không có mặt tại xã T. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo do chị H cung cấp; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn. Bị đơn có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã T để làm rõ tình trạng hôn nhân, tài sản chung vợ chồng cũng như điều kiện nuôi dưỡng con chung, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Đoàn Thị H kết hôn với anh Trần Ngọc H1 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Thái Bình là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ tháng 3 năm 2017 nên tháng 02 năm 2018 chị H đã mang theo con trai về nhà mẹ chị H ở thôn Q xã B huyện K sinh sống từ đó đến nay, vợ chồng không liên lạc và không quan tâm đến nhau. Nay chị H xin ly hôn và anh H1 cũng đồng ý ly hôn vì cả hai vợ chồng đều cảm thấy không còn tình cảm gì với nhau nữa. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị H và anh H1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải chấp nhận xử cho chị H được ly hôn anh H1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: Chị H và anh H1 có 01 con chung là Trần Minh H2 sinh ngày 13/01/2017, hiện đang ở với chị H. Ly hôn chị H và anh H1 thỏa thuận để chị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Chị H yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng, anh H1 trình bày là anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Mặt khác hiện nay con chung còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ, vì vậy để đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung cần chấp nhận ý kiến của chị H và anh H1 là giao con Trần Minh H2 sinh ngày 13/01/2017 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, anh H1 có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 11/2018 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Anh H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung.

[5] Về quan hệ tài sản: Vợ chồng chị H và anh H1 đã thỏa thuận chị H được quyền sử dụng lô đất diện tích 100m², số thửa 967, tờ bản đồ số 08, đo đạc năm

2010 tại thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Thái Bình đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/8/2017 mang tên người sử dụng là ông Trần Ngọc H1, bà Đoàn Thị H. Chị H đã thanh toán trả cho anh H1 số tiền $\frac{1}{2}$ giá trị lô đất là 172.500.000 đồng. Chị H có trách nhiệm nộp tiền đăng ký chi phí chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Thỏa thuận trên giữa chị H và anh H1 là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội, được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình.

. [6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh H1 phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56, 58, khoản 1 Điều 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đoàn Thị H được ly hôn anh Trần Ngọc H1.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao con chung Trần Minh H2 sinh ngày 13/01/2017 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; anh H1 có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 (Một triệu) đồng/tháng, kể từ tháng 11/2018 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi, anh H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung.

3. Về quan hệ tài sản chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị H và anh H1 về việc phân chia tài sản chung, cụ thể: Chị Đoàn Thị H được quyền sử dụng thửa đất 967, tờ bản đồ số 08, thuộc thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Thái Bình diện tích 100m² đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 853744 ngày 29/8/2017 mang tên ông Trần Ngọc H1, bà Đoàn Thị H. Chị H đã thanh toán trả cho anh H1 số tiền $\frac{1}{2}$ giá trị lô đất là 172.500.000

đồng. Chị H có trách nhiệm nộp tiền đăng ký chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Chị H và anh H1 không có nợ chung.

4. Về án phí: Chị Đoàn Thị H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0001085 ngày 31/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự H1ện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Chị Đoàn Thị H đã nộp xong án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Trần Ngọc H1 phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.”

5. Về quyền kháng cáo: Chị H có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh H1 có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND H1ện Kiến Xương;
- Chi cục THADS H1ện Kiến Xương;
- Dương sự;
- UBND xã T
- Lưu HS;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Xuân

